

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**


----------

Số: 192/SCI-TCKT-CV

(V/v: Công bố BCTC 6 tháng đầu năm 2016
sau kiểm toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**


- Tên đơn vị:** CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9
- Mã chứng khoán:** SCI
- Trụ sở chính:** Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- Điện thoại:** 0433 868 243 **Fax:** 0433 868 243
- Người thực hiện công bố thông tin:** Ông Nguyễn Chính Đại - Giám đốc công ty
- Nội dung công bố thông tin**

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Sông Đà 9 sau kiểm toán được lập ngày 12/08/2016 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

- Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:** sicco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

Như trên 

- P.TCKT, TCHC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Chính Đại

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

-----~~33~~-----

Số 191 /SICCO-TCKT-CV

(V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm tăng hơn 5% trước và sau kiểm toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----~~33~~-----

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Kính gửi:

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 0433 868 243

Fax: 0433 868 243

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư Sông Đà 9

Mã chứng khoán: SCI

Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư Sông Đà 9 xin giải trình về lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 sau kiểm toán biến động trên 5% so với lợi nhuận sau thuế trước kiểm toán 6 tháng đầu năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Tỷ lệ %
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.261.817.150	4.261.817.150	100%
2	Thuế TNDN	897.826.819	691.826.819	123 %
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	3.363.990.331	3.569.990.331	94 %

Nguyên nhân :

Trong kỳ đơn vị có được nhận thanh toán tiền cổ tức và khi lên báo cáo tài chính đơn vị đã tính cả khoản thu nhập đầy vào thu nhập chịu thuế TNDN hiện hành, kiểm toán đã loại khoản thu nhập từ cổ tức ra khỏi thu nhập chịu thuế. Do đó làm cho lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 sau kiểm toán tăng 6% so trước kiểm toán.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT,
TCHC.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-37
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-37

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường
Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	
Ông Hoàng Công Tuấn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Chính Đại	Ủy viên	
Ông Triệu Quang Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2016

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2016
Ông Hoàng Công Tuấn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2016
Ông Nguyễn Chính Đại	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/05/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Len	Trưởng ban	
Ông Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên	
Bà Quách Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Quán Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường
Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được lập ngày 27 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		314.238.269.964	279.205.563.822
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.262.468.565	17.799.277.018
111	1. Tiền		8.262.468.565	17.799.277.018
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	20.250.000.000	18.536.671.886
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	18.286.671.886
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.250.000.000	250.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		111.650.443.856	124.991.789.802
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	94.398.947.368	106.233.067.436
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.290.939.288	8.442.250.039
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.680.387.962	11.036.303.089
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(719.830.762)	(719.830.762)
140	IV. Hàng tồn kho	9	166.856.335.553	113.978.904.872
141	1. Hàng tồn kho		166.877.373.085	113.999.942.404
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.037.532)	(21.037.532)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.219.021.990	3.898.920.244
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	481.979.599	560.431.968
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.606.932.372	3.338.488.276
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	130.110.019	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		88.004.583.465	83.368.929.761
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		306.500.000	8.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	306.500.000	8.000.000
220	II. Tài sản cố định		81.685.773.058	76.311.622.717
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	81.685.773.058	76.311.622.717
222	- Nguyên giá		129.492.930.593	117.853.748.775
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.807.157.535)	(41.542.126.058)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.213.907.221	2.669.800.221
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.213.907.221	2.669.800.221
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.798.403.186	4.379.506.823
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.798.403.186	4.379.506.823
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		402.242.853.429	362.574.493.583

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		275.421.459.021	237.966.689.484
310	I. Nợ ngắn hạn		251.243.761.995	214.442.228.556
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	45.759.865.499	45.334.860.919
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	55.198.471.942	43.541.501.245
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.411.706.130	5.103.879.760
314	4. Phải trả người lao động		10.940.208.901	12.537.207.510
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	985.409.558	3.292.942.583
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.022.081.528	4.401.593.758
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	129.290.914.332	99.467.812.298
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.635.104.105	762.430.483
330	II. Nợ dài hạn		24.177.697.026	23.524.460.928
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	24.177.697.026	23.524.460.928
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		126.821.394.408	124.607.804.099
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	126.821.394.408	124.607.804.099
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.750.741.041	4.722.740.999
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.070.653.367	19.885.063.100
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		16.500.663.036	5.829.551.535
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.569.990.331	14.055.511.565
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		402.242.853.429	362.574.493.583

Đỗ Thị Hà
Người lập

Đào Gia Thắng
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	109.183.386.312	158.417.380.287
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		109.183.386.312	158.417.380.287
11	4. Giá vốn hàng bán	22	91.971.843.866	137.795.481.891
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.211.542.446	20.621.898.396
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.408.890.992	21.735.139
22	7. Chi phí tài chính	24	6.098.927.492	5.009.697.521
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.952.055.165	5.009.697.521
25	8. Chi phí bán hàng		-	36.000.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	11.563.668.989	6.658.385.244
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.957.836.957	8.939.550.770
31	11. Thu nhập khác	26	556.297.139	56.847.728
32	12. Chi phí khác	27	252.316.946	21.839.541
40	13. Lợi nhuận khác		303.980.193	35.008.187
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.261.817.150	8.974.558.957
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	691.826.819	1.979.207.670
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.569.990.331</u>	<u>6.995.351.287</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	357	1.170
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	357	644



Đỗ Thị Hà
Người lập

Đào Gia Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.261.817.150	8.974.558.957
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.265.031.477	4.546.283.697
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.198.562.878)	(78.007.866)
06	- Chi phí lãi vay		5.952.055.165	5.009.697.521
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.280.340.914	18.452.532.309
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		10.755.958.498	(14.010.441.189)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(52.877.430.681)	8.948.750.141
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.180.696.439	(29.738.318.437)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(340.443.994)	895.457.840
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		18.286.671.886	(5.000.828.230)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.970.771.961)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.308.548.679)	(1.900.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	(444.229.001)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(483.726.400)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.477.253.978)	(22.797.076.567)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.622.788.818)	(8.604.690.281)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	227.272.728
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.000.000.000)	(250.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.086.896.211	21.735.139
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(29.535.892.607)	(8.605.682.414)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		153.188.294.741	123.830.867.817
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(122.711.956.609)	(94.230.775.640)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		30.476.338.132	29.600.092.177
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.536.808.453)	(1.802.666.804)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.799.277.018	15.824.868.599
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	8.262.468.565	14.022.201.795

Đỗ Thị Hà
Người lập

Đào Gia Thắng
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 - Chi nhánh Phía Nam	Sóc Trăng, Việt Nam	Xây lắp

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán .

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận và thông báo từ BCC.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	621.830.672	547.178.595
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.640.637.893	17.252.098.423
	<u>8.262.468.565</u>	<u>17.799.277.018</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	20.250.000.000	20.250.000.000	250.000.000	250.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
- Hợp đồng ủy thác đầu tư ⁽²⁾	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	20.250.000.000	20.250.000.000	250.000.000	250.000.000

(1) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số 01/2015/283367/HĐTG ngày 06/05/2015, số tiền gửi 250.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng tự động gia hạn khi hết hạn, thời hạn mới nhất từ 06/05/2016 đến 06/05/2017. Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn dùng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây.

(2) Thực hiện Nghị quyết 14/NQ-SICCO-HĐQT của Hội đồng Quản trị, Công ty đã ký Hợp đồng Quản lý đầu tư số 11/2016/HĐQL/IBFM-S99 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB ngày 28/06/2016. Theo đó, Công ty ủy thác vốn quản lý và danh mục đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB để thực hiện quản lý danh mục đầu tư. Tại thời điểm 30/06/2016, danh mục ủy thác đầu tư của Công ty là 20 trái phiếu doanh nghiệp, với tổng giá trị là 20 tỷ đồng.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	18.286.671.886	23.690.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	-	18.286.671.886	23.690.000.000
	-	-	18.286.671.886	23.690.000.000

Công ty xác định giá trị hợp lý của Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam theo giá trị thị trường tại thời điểm 31/12/2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty CP Sông Đà 9	5.266.264.520	13.407.291.679
VPĐD TCT Sông Đà - Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	14.300.024.926	14.300.024.926
Công ty CP Licogi 13	8.343.046.996	15.643.046.996
Công ty CP Sông Đà 5	10.779.400.980	12.922.369.957
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP	3.768.919.040	11.227.394.000
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí		
Việt Nam - Ban điều hành Nhiệt điện Long Phú	27.451.913.858	11.321.376.061
Công ty TNHH Xây dựng Chicharueune	9.324.776.155	7.384.543.441
Các khoản phải thu khách hàng khác	15.164.600.893	20.027.020.376
	94.398.947.368	106.233.067.436
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.	224.043.700	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước người bán chi tiết theo người bán có số dư lớn				
Công ty CP XD số	1.114.829.800	-	2.200.000.000	-
Một Việt Hưng				
Công ty cổ phần	825.000.000	-	-	-
Công nghệ cao				
Công ty TNHH	600.000.000	-	-	-
Tùng Lâm				
Công ty Cổ phần	-	-	2.001.003.500	-
Sông Đà 2				
Trả trước cho	2.751.109.488	-	4.241.246.539	-
người bán khác				
	5.290.939.288	-	8.442.250.039	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lãi trái phiếu	1.111.666.667	-	-	-
Tạm ứng	6.878.754.465	-	4.458.970.142	-
Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	1.990.236.924	-	1.166.850.555	-
Phải thu tiền tạm ứng lương	251.824.531	-	811.721.694	-
Tiền bán chứng khoán	-	-	1.861.703.250	-
Phải thu hợp tác kinh doanh BCC (*)	1.298.150.000	-	1.298.150.000	-
Tiền khối lượng tại Công trình Hạ Long	381.192.683	-	381.192.683	-
Phải thu tiền ăn nhân viên	525.127.106	-	785.624.155	-
Phải thu khác	243.435.586	-	272.090.610	-
	12.680.387.962	-	11.036.303.089	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	306.500.000	-	8.000.000	-
	306.500.000	-	8.000.000	-

(*) Phải thu hợp tác kinh doanh BCC: là toàn bộ số tiền góp vốn thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh sản xuất và cung cấp bê tông Asphalt cho các đơn vị tham gia thi công xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1, trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Toàn bộ doanh thu, chi phí liên quan đến hợp tác sẽ được Công ty CP Sản xuất thương mại và kỹ thuật toàn cầu Hitec thực hiện ghi sổ kế toán. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp tương ứng và được tính trên tổng giá trị lợi nhuận, sau khi đã trừ toàn bộ các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất và các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định; thời điểm phân chia lợi nhuận được các bên thống nhất vào thời điểm phù hợp với điều kiện thực tế của các bên tham gia.

8 . NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu				
- Chi nhánh TCT Thành An tại Hoà Bình	266.288.815	-	266.288.815	-
- Công ty CAVICO Việt Nam xây dựng giao thông	70.000.737	-	70.000.737	-
- Các khoản khác	383.541.210	-	383.541.210	-
	719.830.762	-	719.830.762	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.480.564.036	(21.037.532)	11.582.323.285	(21.037.532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	143.396.809.049	-	102.417.619.119	-
	166.877.373.085	(21.037.532)	113.999.942.404	(21.037.532)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công trình QL1 - Phú Yên	11.888.807.535	11.842.870.189
Công trình đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng	8.014.090.910	11.950.088.865
Công trình đường Thà Lầu - Sầm Tày tại Lào (gói 2)	4.489.910.159	6.679.214.354
Công trình Lèng Beng - Lào	4.760.071.317	4.995.922.718
Công trình Thủy điện Lai Châu	5.575.840.859	5.575.840.859
Công trình bến nhập thiết bị Nhiệt điện Long Phú	8.752.745.630	26.191.664.095
Hạng mục đóng cọc nhà máy Nhiệt điện Long Phú	67.246.063.671	24.486.033.040
Công trình Thủy điện Canan	16.556.583.959	682.317.124
Các công trình khác	16.112.695.009	10.013.667.875
	143.396.809.049	102.417.619.119

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.213.907.221	1.213.907.221
- Chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng	1.213.907.221	1.213.907.221
Mua sắm tài sản cố định	-	390.000.000
- Ô tô tải có cần cầu Hyundai	-	390.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.065.893.000
- Sửa chữa xe ô tô tại công trình	-	1.065.893.000
	1.213.907.221	2.669.800.221

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.221.128.927	67.553.692.239	38.703.540.692	375.386.917	117.853.748.775
- Mua trong kỳ	-	11.249.181.818	390.000.000	-	11.639.181.818
Số dư cuối kỳ	11.221.128.927	78.802.874.057	39.093.540.692	375.386.917	129.492.930.593
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.237.108.792	21.302.320.901	13.755.295.027	247.401.338	41.542.126.058
- Khấu hao trong kỳ	140.264.112	3.907.813.385	2.184.608.916	32.345.064	6.265.031.477
Số dư cuối kỳ	6.377.372.904	25.210.134.286	15.939.903.943	279.746.402	47.807.157.535
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.984.020.135	46.251.371.338	24.948.245.665	127.985.579	76.311.622.717
Tại ngày cuối kỳ	4.843.756.023	53.592.739.771	23.153.636.749	95.640.515	81.685.773.058

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 74.854.760.475 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.168.601.598 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	481.979.599	560.431.968
	<u>481.979.599</u>	<u>560.431.968</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	3.439.589.043	3.656.029.334
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	925.019.114	723.477.489
Chi phí trả trước dài hạn khác	433.795.029	-
	<u>4.798.403.186</u>	<u>4.379.506.823</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Đại Minh	3.931.468.466	3.931.468.466	4.832.027.136	4.832.027.136
Công ty CP DVC Việt Nam	3.446.885.322	3.446.885.322	8.734.221.171	8.734.221.171
Công ty CP SCI	14.123.902.821	14.123.902.821	6.827.454.670	6.827.454.670
Xí nghiệp Sông Đà 203	1.711.843.844	1.711.843.844	3.712.847.344	3.712.847.344
Công ty TNHH Hoàng Sơn	5.304.400.000	5.304.400.000	2.499.040.000	2.499.040.000
Phải trả các đối tượng khác	17.241.365.046	17.241.365.046	18.729.270.598	18.729.270.598
	<u>45.759.865.499</u>	<u>45.759.865.499</u>	<u>45.334.860.919</u>	<u>45.334.860.919</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<u>14.144.332.207</u>	<u>14.144.332.207</u>	<u>6.827.454.670</u>	<u>6.827.454.670</u>

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi tiết theo đối tượng người mua có số dư lớn		
Chi nhánh Tổng công ty CP DVKT dầu khí VN	24.248.344.946	33.329.603.077
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	21.418.000.000	-
Các đối tượng khác	9.532.126.996	10.211.898.168
	<u>55.198.471.942</u>	<u>43.541.501.245</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	1.993.264.462	1.906.728.901	-	-	86.535.561	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	4.487.498.627	691.826.819	4.308.548.679	-	-	870.776.767	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	218.481.435	430.397.548	387.396.710	-	-	261.482.273	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	286.759.450	36.923.670	453.793.139	-	-	-	130.110.019	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.190.507	-	-	-	-	5.190.507	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	105.949.741	100.579.933	18.808.652	-	-	187.721.022	-	-	-	-
	-	-	5.103.879.760	3.252.992.432	7.075.276.081	-	-	1.411.706.130	130.110.019	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	166.041.913	184.758.709
- Tiền vật tư sử dụng quá định mức phải trả	470.085.917	470.085.917
- Trích trước tiền thuê ca máy	272.463.728	2.486.052.727
- Chi phí phải trả khác	76.818.000	152.045.230
	<u>985.409.558</u>	<u>3.292.942.583</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	177.374.682	115.916.567
- Bảo hiểm xã hội	608.405.640	292.110.167
- Bảo hiểm y tế	-	9.142.610
- Bảo hiểm thất nghiệp	18.822.060	20.260.000
- Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	3.647.775.000	1.024.496.181
- Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	16.414.850	3.782.722
- Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	1.857.482.664
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.553.289.296	1.078.402.847
	<u>6.022.081.528</u>	<u>4.401.593.758</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a)						
- Vay ngắn hạn	90.477.100.086	90.477.100.086	144.481.794.741	116.269.488.495	118.689.406.332	118.689.406.332
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1)	80.583.783.011	80.583.783.011	102.078.972.312	92.218.472.839	90.444.282.484	90.444.282.484
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (2)	9.893.317.075	9.893.317.075	27.402.822.429	23.251.015.656	14.045.123.848	14.045.123.848
- Công ty Cổ phần SCI (3)	-	-	15.000.000.000	800.000.000	14.200.000.000	14.200.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	8.990.712.212	8.990.712.212	8.053.263.902	6.442.468.114	10.601.508.000	10.601.508.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (4)	7.620.512.212	7.620.512.212	7.368.163.902	5.757.368.114	9.231.308.000	9.231.308.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (5)	1.370.200.000	1.370.200.000	685.100.000	685.100.000	1.370.200.000	1.370.200.000
	99.467.812.298	99.467.812.298	152.535.058.643	122.711.956.609	129.290.914.332	129.290.914.332
b)						
- Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (4)	28.316.223.140	28.316.223.140	4.597.500.000	5.757.368.114	27.156.355.026	27.156.355.026
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (5)	4.198.950.000	4.198.950.000	4.109.000.000	685.100.000	7.622.850.000	7.622.850.000
	32.515.173.140	32.515.173.140	8.706.500.000	6.442.468.114	34.779.205.026	34.779.205.026
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.990.712.212)	(8.990.712.212)	(8.053.263.902)	(6.442.468.114)	(10.601.508.000)	(10.601.508.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	23.524.460.928	23.524.460.928			24.177.697.026	24.177.697.026

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/283367/HĐTD ngày 09 tháng 10 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất 30/06/2016 là 8,3% của các khoản vay tại	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	90.444.282.484	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C	Không tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh Hợp đồng cấp tín dụng số 15106/HM/HĐTD.DAH ngày 29 tháng 06 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 30/06/2016 từ 8,2% đến 8,7% cho từng lần rút vốn	Thời gian rút vốn tín dụng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng, thời hạn thanh toán tối đa 09 tháng áp dụng	14.045.123.848		
3	Công ty Cổ phần SCI Hợp đồng cho vay số 05032016/SCI-SICCO ngày 05 tháng 03 năm 2016	Lãi suất cho vay cố định tại thời điểm giải ngân. Lãi suất cố định áp dụng tại 30/06/2016 là 9%/năm	Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	14.200.000.000	Vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tin chấp
Tổng cộng				118.689.406.332		

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây			27.156.355.026	9.231.308.000		
	HĐTĐ số 01/2011/HĐ ngày 17/06/2011	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	45.000.000	45.000.000	Đầu tư 01 máy ủi - Nâng cao năng lực thiết bị thi công	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HĐTĐ số 02/2011/HĐ ngày 07/10/2011 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	495.000.000	495.000.000	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2011	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HĐTĐ số 01/2012/HĐ ngày 26/06/2012	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	200.000.000	200.000.000	Đầu tư cho dự án đầu tư xe máy thiết bị năm 2012 - Giai đoạn 1	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HĐTĐ số 02/2012/HĐ ngày 29/10/2012 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.837.287.776	2.200.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2012 - Giai đoạn 1	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HĐTĐ số 02/2014/283367/HĐTĐ ngày 18/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	949.000.000	292.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HĐTĐ số 03/2014/283367/HĐTĐ ngày 20/11/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.935.100.000	838.600.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HĐTĐ số 04/2014/283367/HĐTĐ ngày 20/12/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	5.070.000.000	1.440.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 6	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HĐTĐ số 01/2015/283367/HĐTĐ ngày 02/02/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	662.000.000	192.000.000	Mua xe ô tô BMW 320i	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HĐTĐ số 02/2015/283367/HĐTĐ ngày 05/03/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.332.499.250	355.332.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 7	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HĐTĐ số 02/2015/283367/HĐTĐ ngày 11/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	9.860.000.000	2.320.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HĐTĐ số 03/2015/283367/HĐTĐ ngày 28/09/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.540.468.000	761.376.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9
 Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì,
 Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây HỆTD số 05/2015/283367/HỆTD ngày 16/11/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng.	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	230.000.000	92.000.000	Thanh toán tiền mua máy phát điện 375 KVA, và 60 KVA.	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh HỆTD số DAH-HỆCCTD/14082 ngày 22/09/2014 HỆTD số DAH-HỆCCTD/14084 ngày 10/10/2014 và phụ lục bổ sung HỆTD số DAH-HỆCCTD/14102 ngày 24/10/2014 HỆTD số DAH-HỆCCTD/14108 ngày 24/10/2014 HỆTD số 15189/TH/HỆTD.DAH ngày 26/08/2015 HỆTD 16135/TH/HỆTD.DAH số ngày 30/5/2016	Được quy định trong từng thời kỳ Được quy định trong từng thời kỳ Được quy định trong từng thời kỳ Được quy định trong từng thời kỳ Được quy định trong từng thời kỳ Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng 60 tháng 60 tháng 42 tháng 42 tháng 60 tháng 60 tháng	7.622.850.000 396.500.000 934.100.000 1.009.750.000 423.500.000 750.000.000 4.109.000.000	1.370.200.000 122.000.000 287.200.000 577.000.000 208.000.000 176.000.000 -	Thanh toán một phần tiền mua xe Ranger Wildtrak 3.2 Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3 Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 4 Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5 Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 1 Thanh toán tiền mua máy khoan đá Furukawa và một phần máy khoan khác	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	Tổng cộng			34.779.205.026	10.601.508.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	3.534.309.465	13.167.324.506	66.701.633.971
Lãi trong kỳ trước	-	-	6.995.351.287	6.995.351.287
Phân phối lợi nhuận	-	1.188.431.534	(1.822.261.686)	(633.830.152)
Giảm khác	-	-	(350.600.000)	(350.600.000)
Số dư cuối kỳ trước	50.000.000.000	4.722.740.999	17.989.814.107	72.712.555.106
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	4.722.740.999	19.885.063.100	124.607.804.099
Lãi trong kỳ nay	-	-	3.569.990.331	3.569.990.331
Phân phối lợi nhuận	-	2.028.000.042	(3.109.600.064)	(1.081.600.022)
Giảm khác (*)	-	-	(274.800.000)	(274.800.000)
Số dư cuối kỳ này	100.000.000.000	6.750.741.041	20.070.653.367	126.821.394.408

(*) Giảm khác bao gồm thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách và chi phí họp Đại hội đồng cổ đông.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01-NQ/SICCO/ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100,00%	19.645.063.100
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,32%	2.028.000.042
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,51%	1.081.600.022
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)(**)	25,45%	5.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	58,72%	11.535.463.036

(**) Đến thời điểm 30/06/2016, Công ty chưa có Thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam nên Công ty chưa ghi giảm Lợi nhuận chưa phân phối đối với giá trị cổ tức được phân phối theo Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
- Công ty Cổ phần SCI	51,00%	51.000.000.000	51,00%	51.000.000.000
- Công ty CP Giải pháp Công nghệ cao SIFO	13,00%	13.000.000.000	0,00%	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	0,00%	-	7,81%	7.810.000.000
- Các cổ đông khác	36,00%	36.000.000.000	41,19%	41.190.000.000
	100%	100.000.000.000	100%	100.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

d) Cổ phiếu		
	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.750.741.041	4.722.740.999
	<u>6.750.741.041</u>	<u>4.722.740.999</u>
20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngoại tệ các loại		
	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	247,42	113,92
21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	104.241.029.458	154.381.573.056
Doanh thu bán hàng hóa	2.935.110.812	3.576.701.153
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.007.246.042	459.106.078
	<u>109.183.386.312</u>	<u>158.417.380.287</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<u>2.036.760.909</u>	-
22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	87.862.575.597	134.037.885.347
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.459.432.729	3.370.217.417
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.649.835.540	387.379.127
	<u>91.971.843.866</u>	<u>137.795.481.891</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.168.562.878	21.735.139
Lãi bán các khoản đầu tư ngắn hạn	2.210.328.114	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.030.000.000	-
	<u>4.408.890.992</u>	<u>21.735.139</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.952.055.165	5.009.697.521
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	107.766.258	-
Chi phí tài chính khác	39.106.069	-
	<u>6.098.927.492</u>	<u>5.009.697.521</u>

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.283.671.245	850.527.620
Chi phí nhân công	5.326.800.597	2.999.433.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	536.441.964	572.789.058
Thuế, phí, lệ phí	187.049.779	234.074.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.278.964.672	859.526.937
Chi phí khác bằng tiền	1.950.740.732	1.142.033.671
	<u>11.563.668.989</u>	<u>6.658.385.244</u>

26 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	56.272.727
Tiền hoàn thuế đất nộp thừa	453.793.139	-
Thu nhập khác	102.504.000	575.001
	<u>556.297.139</u>	<u>56.847.728</u>

27 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt hành chính	227.316.946	21.839.541
Các khoản phạt hợp đồng	25.000.000	-
	<u>252.316.946</u>	<u>21.839.541</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.261.817.150	8.974.558.957
Các khoản điều chỉnh tăng	227.316.946	21.839.541
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	227.316.946	21.839.541
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.030.000.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(1.030.000.000)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.459.134.096	8.996.398.498
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	691.826.819	1.979.207.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	4.487.498.627	2.819.655.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(4.308.548.679)	(1.900.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	870.776.767	2.898.863.340

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.569.990.331	6.995.351.287
Các khoản điều chỉnh	-	(559.628.103)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	-	(559.628.103)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.569.990.331	6.435.723.184
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	357	1.170

(*) Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

30 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.569.990.331	6.995.351.287
Các khoản điều chỉnh	-	(559.628.103)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(559.628.103)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.569.990.331	6.435.723.184
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	4.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	357	644

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.735.782.182	30.746.173.991
Chi phí nhân công	9.012.855.818	10.460.826.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.265.031.477	4.546.283.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.911.701.194	57.385.591.787
Chi phí khác bằng tiền	31.129.899.385	21.653.374.663
	142.055.270.056	124.792.250.638

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.262.468.565	-	17.799.277.018	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.385.835.330	(719.830.762)	117.277.370.525	(719.830.762)
Các khoản cho vay	250.000.000	-	250.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	18.286.671.886	-
	135.898.303.895	(719.830.762)	153.613.319.429	(719.830.762)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	153.468.611.358	122.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác	51.781.947.027	49.736.454.677
Chi phí phải trả	985.409.558	3.292.942.583
	206.235.967.943	176.021.670.486

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	8.262.468.565	-	-	8.262.468.565
Phải thu khách hàng, phải thu khác	106.359.504.568	306.500.000	-	106.666.004.568
Các khoản cho vay	250.000.000	-	-	250.000.000
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
	134.871.973.133	306.500.000	-	135.178.473.133
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	17.799.277.018	-	-	17.799.277.018
Phải thu khách hàng, phải thu khác	116.549.539.763	8.000.000	-	116.557.539.763
Các khoản cho vay	250.000.000	-	-	250.000.000
Đầu tư ngắn hạn	18.286.671.886	-	-	18.286.671.886
	152.885.488.667	8.000.000	-	152.893.488.667

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	129.290.914.332	24.177.697.026	-	153.468.611.358
Phải trả người bán, phải trả khác	51.781.947.027	-	-	51.781.947.027
Chi phí phải trả	985.409.558	-	-	985.409.558
	<u>182.058.270.917</u>	<u>24.177.697.026</u>	<u>-</u>	<u>206.235.967.943</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	99.467.812.298	23.524.460.928	-	122.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác	49.736.454.677	-	-	49.736.454.677
Chi phí phải trả	3.292.942.583	-	-	3.292.942.583
	<u>152.497.209.558</u>	<u>23.524.460.928</u>	<u>-</u>	<u>176.021.670.486</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	153.188.294.741	123.830.867.817
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế-ước-thông thường	122.711.956.609	94.230.775.640

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động xây lắp và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	
		2016	2015
		VND	VND
Mua dịch vụ		8.345.719.645	-
Công ty CP SCI	Công ty mẹ	8.345.719.645	-
Bán dịch vụ		2.036.760.909	-
Công ty CP SCI	Công ty mẹ	2.036.760.909	-
Đi vay		15.000.000.000	-
Công ty CP SCI	Công ty mẹ	15.000.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán	
		30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		224.043.700	-
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	224.043.700	-
Phải thu khác		5.123.845	-
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	5.123.845	-
Phải trả người bán ngắn hạn		14.144.332.207	6.827.454.670
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	14.123.902.821	6.827.454.670
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Cùng Công ty mẹ	20.429.386	-
Người mua trả tiền trước		21.418.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Cùng Công ty mẹ	21.418.000.000	-
Vay ngắn hạn		14.200.000.000	-
Công ty cổ phần SCI	Công ty mẹ	14.200.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	
	2016	2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.182.280.929	1.267.773.266

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Đỗ Thị Hà
Người lậpĐào Gia Thắng
Kế toán trưởngNguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2016